

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2023/DS-ST**
Ngày 24-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Minh Phụng;
2. Bà Hoàng Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1960; HKTT: Xóm V, thôn PO, xã MT, huyện P, tỉnh Hưng Yên; tạm trú: Số nhà NBC, XLHN, Đường MB, phường LT, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Tuấn A, sinh năm 1972; HKTT: Tổ M, khu phố PT, phường TP, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; tạm trú: Nhà cho thuê NND, Tổ H, ấp ST, thị trấn TB, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Ông Phan Chung A; cư trú tại: Đội B, xã PP, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Ngày 13/5/2021, bà Q cho ông Trần Tuấn A vay số tiền 250.000.000 đồng để ông Tuấn A mua xe ô tô; thời hạn vay là 03 tháng; tiền lãi là 1.500.000 đồng/tháng. Các bên có lập hợp đồng vay, có chữ ký của người vay và người cho vay, đồng thời có người làm chứng là cậu của ông Trần Tuấn A tên là Phan Chung A. Quá trình thực

hiện hợp đồng vay, ông Tuấn A đã trả cho bà Q 02 tháng tiền lãi, mỗi tháng số tiền lãi là 1.500.000 đồng; đến tháng thứ 3 thì ông Tuấn A không trả lãi nữa. Đến khi hết thời hạn vay, nhiều lần bà Q yêu cầu nhưng ông Tuấn A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình; đến ngày 13/02/2022 thì ông Tuấn A trả thêm cho bà Q 30.000.000 đồng.

Năm 2022, bà Q đã làm đơn tố cáo ông Tuấn A cùng vợ là bà Hà đến Công An thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; ngày 21/11/2022, Công an thành phố T có văn bản trả lời cho bà Q và xác định giao dịch giữa bà Q và ông Tuấn A là giao dịch dân sự, đồng thời hướng dẫn bà Q khởi kiện tại Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do ông Tuấn A có địa chỉ ghi trong hợp đồng vay tại thành phố Đ, tỉnh Bình Phước nên ngày 28/11/2022, bà Q đã khởi kiện ông Tuấn A tại Tòa án nhân dân thành phố Đ và đã được Tòa án nhân dân thành phố Đ thụ lý giải quyết. Tuy nhiên, sau khi xác minh được Công an xác nhận là ông Tuấn A đang sinh sống tại Nhà cho thuê NND, thuộc Tổ H, ấp ST, thị trấn TB, huyện B, tỉnh Bình Dương nên Tòa án nhân dân thành phố Đ đã chuyển toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương giải quyết theo thẩm quyền.

Nay, bà Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên buộc ông Trần Tuấn A phải trả cho bà Q số tiền đã vay là 250.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định là 10%/12 tháng, thời gian từ ngày 13/8/2021 cho đến nay, được trừ đi số tiền ông Tuấn A đã trả là 33.000.000 đồng theo quy định.

[2]. Bị đơn ông Trần Tuấn A đã được Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông Tuấn A đều vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Tuấn A được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q vắng, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.
- Bị đơn ông Trần Tuấn A vắng mặt không có lý do.
- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án được thụ lý và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng thời hạn theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trình tự thụ lý, việc xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ, các văn bản tố tụng đầy đủ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm;

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị

án: Nhận thấy, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định, riêng bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 28 tháng 11 năm 2022, bà Nguyễn Thị Q có đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Tuấn A phải trả số tiền đã vay theo “Giấy biên nhận” ngày 13/5/2021 là 250.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định là 10%/12 tháng, thời gian từ ngày 13/8/2021 cho đến nay nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Trần Tuấn A đang cư trú tại huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[1.3]. *Về sự tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q, nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Trần Tuấn A vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên vẫn tiến hành xét xử để giải quyết vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 13/5/2021, giữa người cho vay là bà Nguyễn Thị Q và người vay là ông Trần Tuấn A ký giấy biên nhận vay mượn có nội dung: “*Tên tôi là Trần Tuấn Anh, ... tôi có vay của chị Nguyễn Thị Quyển với số tiền 250.000.000 (Hai trăm 50 triệu đồng chẵn) Sau ba tháng tôi sẽ trả cho chị đúng như trên*”. Giấy biên nhận này còn có chữ ký xác nhận của người làm chứng là ông Phan Chung A (cậu của ông Tuấn A). Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án thì cả bà Q và ông Chung A đều xác định khi vay thì các bên có thỏa thuận bằng lời nói về lãi vay là 1.500.000 đồng/tháng. Như vậy, có đủ cơ sở xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà Q và ông Tuấn A là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[2.1] Xét về yêu cầu trả số tiền gốc là 250.000.000 đồng: Theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 13/5/2021 các bên thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng, tuy nhiên hết thời hạn vay ông Tuấn A vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”, vì vậy bà Q yêu cầu ông Tuấn A trả số tiền đã vay khi hết thời hạn vay là có cơ sở. Tuy nhiên, bà Q xác định trong thời hạn vay ông Tuấn A đã trả được 02 tháng tiền lãi với số tiền là 3.000.000 đồng và sau khi hết hạn vay, ngày 13/02/2022 ông Tuấn A tiếp tục trả được số tiền 30.000.000 đồng; lời trình bày này của bà Q được

người làm chứng là ông Chung Anh xác nhận nên có cơ sở xác định ông Tuấn A đã trả cho bà Q tổng số tiền là 33.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì tính đến ngày 13/02/2022, số tiền lãi ông Tuấn A phải trả cho bà Q là:

$1.500.000 \text{ đồng/tháng} \times 03 \text{ tháng (trong hạn: từ ngày 13/5 đến ngày 13/8/2021)} + 1.500.000 \text{ đồng} \times 150\% \times 05 \text{ tháng (quá hạn: từ ngày 13/8/2022 đến ngày 13/02/2022)} = 15.750.000 \text{ đồng}.$

Do ngày 13/02/2022, ông Tuấn A đã trả cho bà Q số tiền 33.000.000 đồng nên số tiền còn lại là: $33.000.000 \text{ đồng} - 15.750.000 \text{ đồng} = 17.250.000 \text{ đồng}$ được trừ vào số tiền gốc. Vì vậy, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q, buộc ông Tuấn A phải trả cho bà Q số tiền gốc còn thiếu theo giấy biên nhận ngày 13/5/2021 là: $250.000.000 \text{ đồng} - 17.250.000 \text{ đồng} = 232.750.000 \text{ đồng}.$

[2.2] Xét yêu cầu về tiền lãi với lãi suất là 10%/12tháng, trên số tiền 250.000.000 đồng, thời gian từ ngày 13/8/2021 cho đến nay, xét thấy: Như phân tích tại mục [2.1] thì lãi các bên thỏa thuận là 1.500.000 đồng/tháng (tương với 0,6%/tháng), lãi quá hạn là 0,9%/tháng (tương đương 10,8%/12tháng) theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Việc, bà Q chỉ yêu cầu lãi suất 10%/12tháng là thấp hơn lãi suất các bên đã thỏa thuận nên được chấp nhận. Buộc ông Tuấn A phải trả cho bà Q tiền lãi phát sinh là:

$232.750.000 \text{ đồng} \times 10\%/12\text{tháng} \times 15 \text{ tháng 12 ngày (từ ngày 13/02/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/5/2023)} = 29.869.600 \text{ đồng}.$

Việc, bà Q yêu cầu tính lãi trên số tiền 250.000.000 đồng là chưa phù hợp nên chỉ được chấp nhận một phần.

[3] Tổng cộng, buộc ông Tuấn A phải trả cho bà Q số tiền đã vay theo giấy biên nhận ngày 13/5/2021 và tiền lãi phát sinh là:

$232.750.000 \text{ đồng (tiền gốc còn lại)} + 29.869.600 \text{ đồng (tiền lãi phát sinh)} = 262.619.600 \text{ đồng}.$

[4] Tại tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên là có cơ sở.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Ông Tuấn A phải chịu trên số tiền trả cho bà Q (số tiền 262.619.600 đồng), với số tiền án phí cụ thể là:

$262.619.600 \text{ đồng} \times 5\% = 13.130.980 \text{ đồng}.$

- Bà Q thuộc trường hợp miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q đối với bị đơn ông Trần Tuấn A về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1.1. Buộc ông Trần Tuấn A phải trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền đã vay theo Giấy biên nhận ngày 13/5/2021 và tiền lãi phát sinh là: 262.619.600 (hai trăm sáu mươi hai triệu, sáu trăm mười chín ngàn, sáu trăm) đồng.

1.2. Ông Trần Tuấn A tiếp tục phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị Q trên số tiền gốc còn lại là 232.750.000 đồng kể từ ngày 25/5/2023 với mức lãi suất là 0,9%/tháng cho đến khi trả xong nợ.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Q về phần buộc ông Trần Tuấn A trả số tiền gốc là 17.250.000 đồng (250.000.000 đồng - 232.750.000 đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Trần Tuấn A phải nộp 13.130.980 (mười ba triệu, một trăm ba mươi ngàn, chín trăm tám mươi) đồng.

3.2. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 (sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004680 ngày 28/11/2022.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND H. Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS H. Bắc Tân Uyên;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Vọng